TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN PHÚ GIÁO** TỈNH BÌNH DƯƠNG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 49/2018/HNGĐ-ST
Ngày 30/10/2018
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ GIÁO, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Khoa.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Trường Hải;

Bà Võ Thị Thu Thảo.

***- Thư ký phiên tòa*:** Ông Hồ Phúc Vĩnh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Ông Trịnh Đình Phượng - Kiểm sát viên.

Vào ngày 30 tháng 10 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 112/2018/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 4 năm 2018 về việc "Tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 43/2018/QĐXXST - HNGĐ ngày 14 tháng 9 năm 2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Đỗ Thị D, sinh năm 1979; địa chỉ: Ấp B, xã A, huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương. Có mặt.

- *Bị đơn:* Ông Lê Văn T, sinh năm 1982; địa chỉ: Ấp B, xã A, huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và các biên bản lấy lời khai, nguyên đơn bà Đỗ Thị D trình bày:

- Về hôn nhân: Bà và ông Lê Văn T chung sống với nhau từ năm 2002, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân (UBND) xã L, huyện Lập Thạch, tỉnh Vĩnh Phúc vào ngày 13/12/2002. Cuộc sống vợ chồng chỉ hạnh phúc trong thời gian đầu, sau đó không còn hạnh phúc nữa, nguyên nhân mâu thuẫn là do ông T không chăm lo cuộc sống gia đình, không chung thủy, có quan hệ với người phụ nữ khác. Bà và ông T đã ly thân được gần 02 năm nay và không còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn gia đình đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà D kiên quyết xin ly hôn với ông Lê Văn T.

- Về con chung: Trong quá trình chung sống bà và ông T có ba con chung tên Lê Văn N, sinh ngày 29/8/2003, Lê Bảo Nh, sinh ngày 28/02/2007 và Lê Trịnh Khánh V, sinh ngày 27/3/2017. Các con Lê Văn N và Lê Bảo Nh có nguyện vọng sống cùng bà D, bà đồng ý và bà không yêu cầu ông T phải cấp dưỡng nuôi con. Bà xin được nuôi con tên Lê Trịnh Khánh V, sinh ngày 27/3/2017 và không yêu cầu ông T phải cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Không tranh chấp tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Lê Văn T đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng và triệu tập lấy lời khai, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, tham gia phiên tòa nhưng ông T vắng mặt không có lý do, đồng thời cũng không có ý kiến trước yêu cầu khởi kiện của bà D.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Phú Giáo tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và việc chấp hành pháp luật tố tụng của những người tham gia tố tụng là đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử (HĐXX) chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Đỗ Thị D đối với ông Lê Văn T; về con chung: Giao các con chung Lê Văn N, Lê Bảo Nh và Lê Trịnh Khánh V cho bà D trực tiếp nuôi dưỡng; ghi nhận sự tự nguyện của bà D về việc không yêu cầu ông T phải cấp dưỡng nuôi con; về tài sản chung, nợ chung: Đương sự không yêu cầu, nên không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Đây là vụ án xin ly hôn mà bị đơn cư trú tại Ấp B, xã A, huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương và nguyên đơn đề nghị Tòa án nhân dân huyện Phú Giáo giải quyết. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, HĐXX xét thấy vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương.

[2] Về sự vắng mặt của bị đơn: Bị đơn ông Lê Văn T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham gia phiên tòa mà vẫn vắng mặt, do đó căn cứ vào khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[3] Về nội dung tranh chấp:

- Về hôn nhân: Bà Đỗ Thị D và ông Lê Văn T là những người có đủ điều kiện kết hôn, chung sống vợ chồng với nhau trên cơ sở tìm hiểu tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã L, huyện Lập Thạch, tỉnh Vĩnh Phúc vào ngày 13/12/2002 nên đây là hôn nhân hợp pháp theo quy định tại Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Quá trình chung sống phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên đơn cho rằng nguyên

nhân mâu thuẫn là do bị đơn không chăm lo cho cuộc sống gia đình, có quan hệ với người phụ nữ khác. Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt không có lý do cũng không có văn bản nêu ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nên HĐXX không có cơ sở để xem xét ý kiến của bị đơn.

Tại Biên bản xác minh ngày 23/4/2018, đại diện chính quyền địa phương xã A, huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương cho biết mâu thuẫn gia đình giữa bà D và ông T địa phương không nắm rõ do gia đình sống khép kín, mâu thuẫn giải quyết nội bộ.

HĐXX xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng giữa nguyên đơn bà Đỗ Thị D và bị đơn ông Lê Văn T đã trầm trọng, Tòa án nhiều lần mở phiên hòa giải nhằm hòa giải đoàn tụ cho ông bà nhưng ông T đều vắng mặt, không có thiện chí muốn hàn gắn và cũng không có ý kiến trước yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Hiện tại, nguyên đơn và bị đơn đã không còn thương yêu, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau. HĐXX xét thấy, tình cảm vợ chồng giữa nguyên đơn và bị đơn không còn, mâu thuẫn gia đình đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Nguyên đơn xin ly hôn là hoàn toàn tự nguyện và có căn cứ nên HĐXX chấp nhận cho nguyên đơn và bị đơn ly hôn theo quy định tại các Điều 51, 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Về con chung: Căn cứ vào lời khai của đương sự, bản sao giấy khai sinh, bản sao sổ hộ khẩu xác định bà Đỗ Thị D và ông Lê Văn T có ba con chung Lê Văn N, sinh ngày 29/8/2003, Lê Bảo Nh, sinh ngày 28/02/2007 và Lê Trịnh Khánh V, sinh ngày 27/3/2017.

Tại các bản tự khai ngày 20/4/2018, cháu Lê Văn N có nguyện vọng được sống với mẹ là bà Đỗ Thị D, cháu Lê Bảo Nh có nguyện vọng được sống cùng mẹ là bà Đỗ Thị D. Bà Đỗ Thị D yêu cầu được nuôi con tên Lê Trịnh Khánh V, sinh ngày 27/3/2017. Xét thấy bà D hiện có công việc và thu nhập ổn định, đủ sức khỏe, đủ điều kiện để trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con; đồng thời bà D có nguyện vọng được nuôi dưỡng các con chung nên HĐXX cần giao các con chung Lê Văn N, Lê Bảo Nh và Lê Trịnh Khánh V cho bà D trực tiếp nuôi dưỡng. Ghi nhận sự tự nguyện của bà D về việc không yêu cầu ông T phải cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Đương sự không yêu cầu Toà án giải quyết nên HĐXX không đặt ra xem xét.

[4] Xét đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát là có căn cứ nên HĐXX xem xét chấp nhận.

[5] Về án phí sơ thẩm: Đương sự phải chịu án phí hôn nhân gia đình theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 227, các Điều 228, 266, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Các Điều 9, 51, 56, 57, 81, 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Đỗ Thị D đối với bị đơn ông Lê Văn T về việc "Tranh chấp ly hôn".

1. Về hôn nhân: Bà Đỗ Thị D được ly hôn với ông Lê Văn T.

2. Về con chung: Giao con chung Lê Văn N, sinh ngày 29/8/2003, Lê Bảo Nh, sinh ngày 28/02/2007 và Lê Trịnh Khánh V, sinh ngày 27/3/2017 cho bà Đỗ Thị D trực tiếp nuôi dưỡng. Ghi nhận sự tự nguyện của bà Đỗ Thị D về việc không yêu cầu ông Lê Văn T phải cấp dưỡng nuôi con.

Không ai được cản trở quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung của ông Lê Văn T. Vì quyền lợi hợp pháp, chính đáng của con chưa thành niên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con khi đương sự có đơn yêu cầu theo quy định của pháp luật.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Đương sự không yêu cầu Toà án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Bà Đỗ Thị D phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) đã nộp trước đây theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án AA/2016/0007278 ngày 05/4/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND huyện Phú Giáo;
- Chi cục THADS huyện Phú Giáo;
- UBND xã L, huyện Lập Thạch, tỉnh Vĩnh Phúc (số 19, quyển số 01/2002);
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Thị Kim Khoa